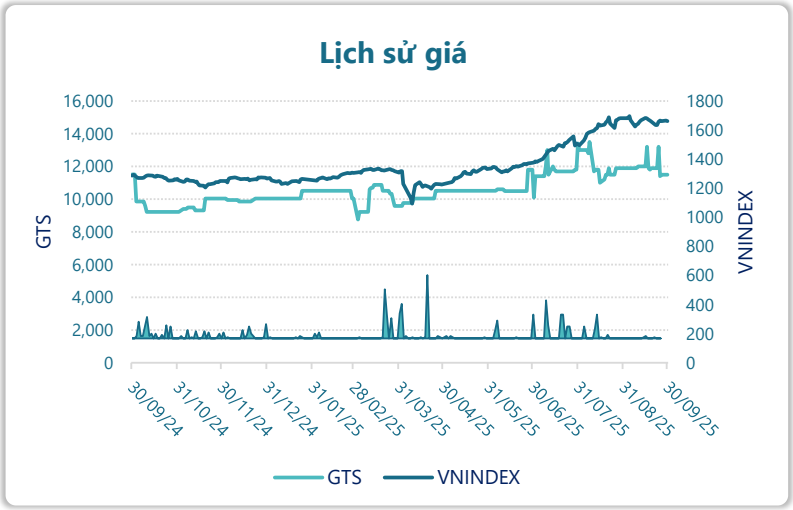
FireAnt

CTCP Công trình Giao thông Sài Gòn (UPCOM: GTS)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,757
SL cổ phiếu LH	28,499,764
KLGD BQ 20 phiên (CP)	410
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	328
P/E	7.2
EPS	1,595

DT thuần

Q3/25

527

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 99.0| 23.0%

YoY: ▲ 321| 156%

LN sau thuế

Q3/25

12.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.80| 16.6%

YoY: ▲ 8.17| 174%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

3.1%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần

9T 2025

1,084

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 501| 85.9%

LN sau thuế

9T 2025

27.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 12.7| 86.9%

ROE

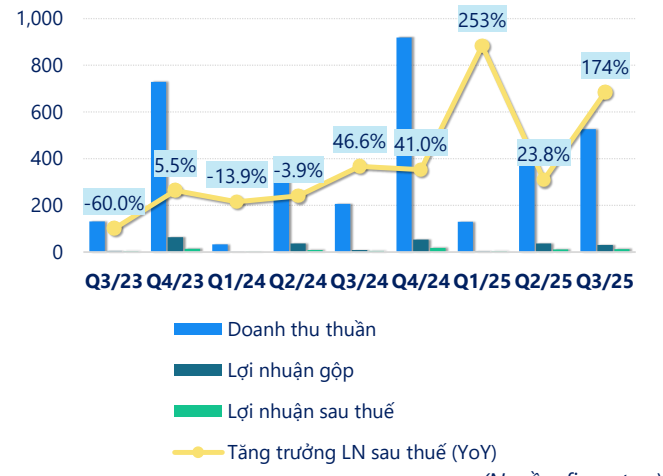
Q3/25

14.0%

+/- YoY: ▲ 5.0%

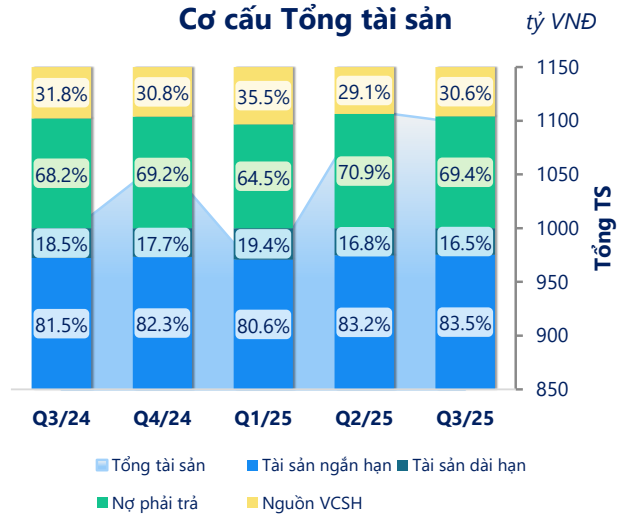
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



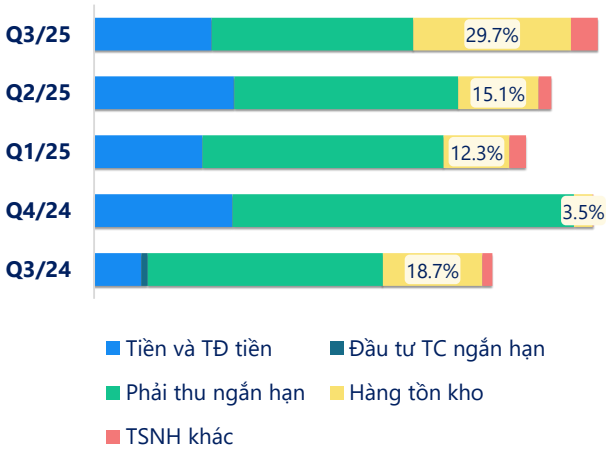
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



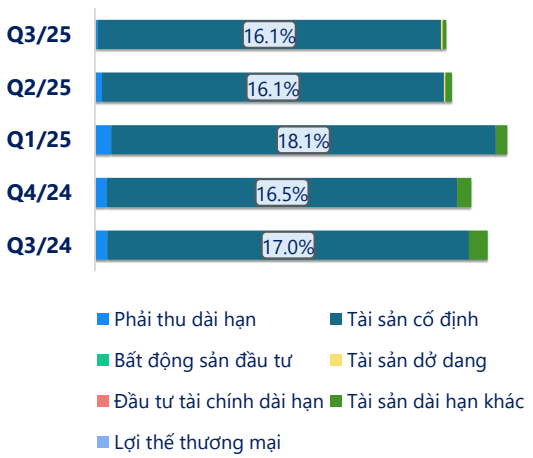
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



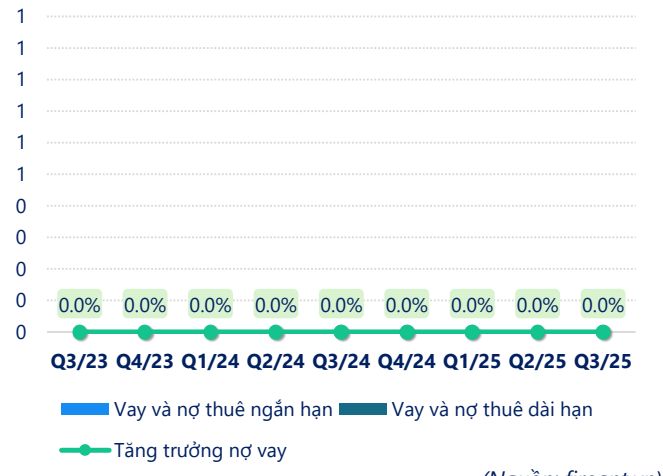
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



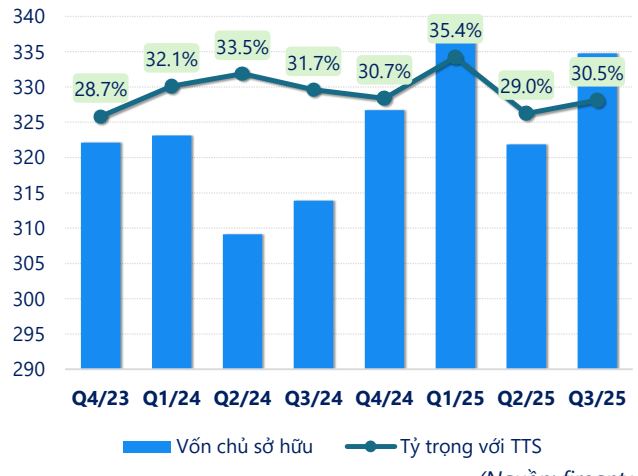
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



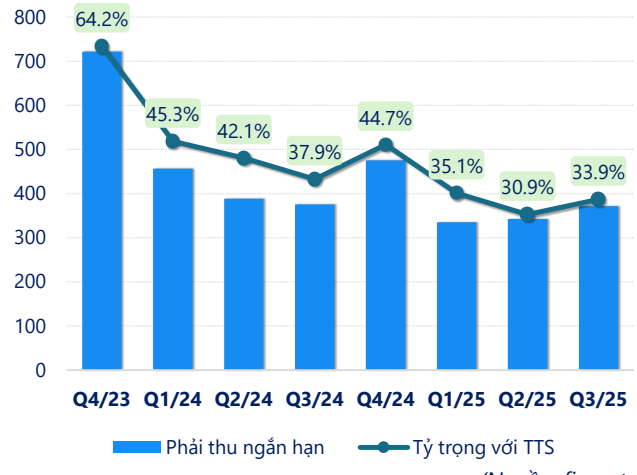
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



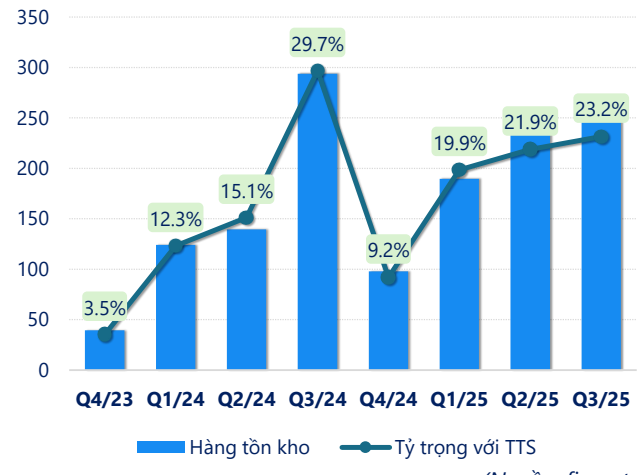
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



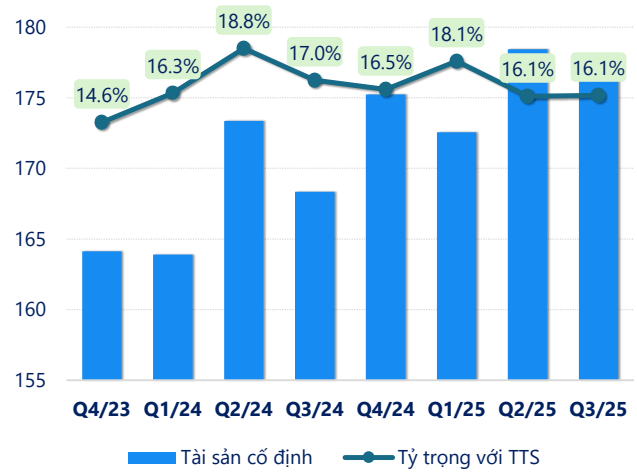
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



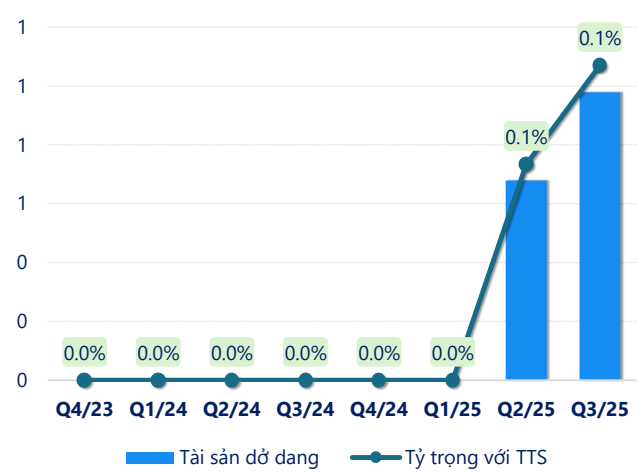
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



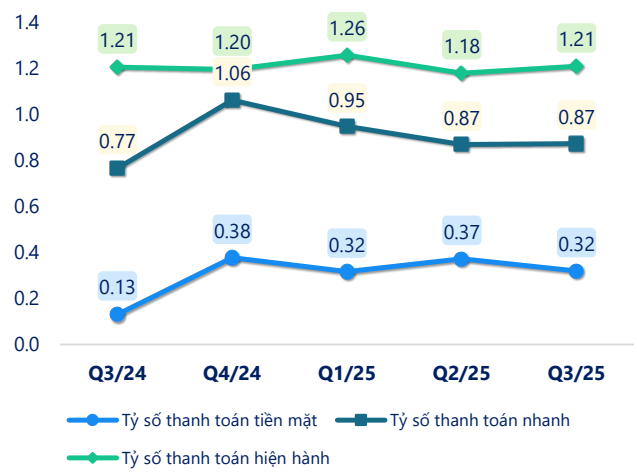
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



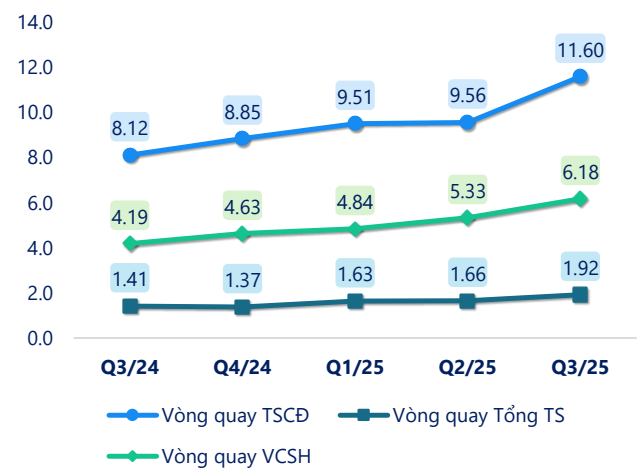
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**990**	**1,063**	**954**	**1,110**	**1,097**
Tài sản ngắn hạn	**807**	**875**	**769**	**923**	**916**
Tiền và tương đương tiền	87.7	276	194	292	242
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.75	0.76	0.76	0.78	0.79
Phải thu ngắn hạn	375	475	335	342	372
Hàng tồn kho	294	97.8	190	243	254
Tài sản ngắn hạn khác	49.9	24.9	50.0	45.5	47.5
Tài sản dài hạn	**183**	**188**	**185**	**186**	**181**
Phải thu dài hạn	5.76	5.90	7.23	3.67	1.46
Tài sản cố định	168	175	173	178	177
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0.68	0.98
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	8.72	6.98	5.23	3.49	1.74
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**676**	**736**	**616**	**787**	**762**
Nợ ngắn hạn	**670**	**732**	**612**	**783**	**758**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	116	200	128	127	138
Nợ dài hạn	5.51	3.79	4.08	4.08	4.08
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**315**	**328**	**339**	**323**	**336**
Vốn chủ sở hữu	**314**	**327**	**338**	**322**	**335**
Vốn điều lệ	285	285	285	285	285
Kinh phí và quỹ khác	0.92	0.92	0.92	0.92	0.92

(Nguồn: fireant.vn)